

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	Xã Tân Long				
1	Quốc lộ 61B	KV2-VT3	Cầu ông Tào giáp xã Thanh Tân	Hết ranh đất cơ sở nước đá Lê Văn Thu	300
		KV2-VT2	Hết ranh đất cơ sở nước đá Lê Văn Thu	Cầu Cái Trầu	400
		KV1-VT1	Cầu Cái Trầu, KV chợ Tân Long	Hết ranh đất UBND xã Tân Long	1.600
		KV1-VT2	Ranh đất UBND xã	Hết ranh đất Cây xăng Thắng Trận 1	600
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Cây xăng Thắng Trận 1	Cầu Ba Bọng	500
		KV2-VT1	Cầu Ba Bọng	Hết địa giới xã	450
2	Áp Long Thạnh	KV1-VT1	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	820
3	Lộ liên xã Tân Long – Phường 2	KV2-VT2	Cầu Ba Bọng	Hết ranh xã	250
4	Đường vào phố	KV2-VT1	Hết ranh đất nhà ông Ty	Hết ranh đất nhà ông Hiệp	400
5	Hẻm trạm y tế	KV2-VT3	Giáp ranh đất ông Em	Hết ranh nhà máy ông Tư Cư	200
VI	Xã Vĩnh Quới				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Cầu Sóc Sỏi đến UBND xã	Cầu Đường Tắc	200
2	Đường ô tô	KV2-VT3	Hết tuyến		150
3	Tuyến Kinh Xáng Quản Lộ Phụng Hiệp	KV2-VT3	Cầu Đường Trầu	Cổng Bảy Tươi	150
		KV2-VT3	Cổng Bảy Tươi	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	150
4	Tuyến Kinh Xáng Chìm	KV2-VT3	Ranh ấp 2	Hết đất nhà thờ Cái Trầu	150
5	Tuyến rạch Xèo Sỏi	KV2-VT3	Cầu Ngã Tư Sóc Sỏi	Hết ranh đất ông Quách Văn Ngón	150
6	Tuyến lộ chùa Ô Chum	KV2-VT3	Cầu Ngã Tư Sóc Sỏi	Giáp ranh khóm 2 (phường 1)	150
7	Tuyến lộ ngang chùa Ô Chum	KV2-VT3	Cầu Ngã Tư Lục Bà Tham	Hết ranh khóm 2 (phường 1)	150
VII	Xã Long Bình				
1	Quốc lộ 61B (Tỉnh lộ 937)	KV1-VT2	Đầu kênh Dân Quân khóm 3, phường 1	Kênh ông Tám Sơn	600
		KV1-VT1	Kênh ông Tám Sơn	Kênh ông Tùng	700
		KV1-VT3	Kênh ông Tùng	Hết địa giới xã (giáp Tân Long)	450

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
VIII	Xã Mỹ Bình				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Đầu đất trường học	Cổng Hai Nhân	300
2	Hương lộ 17(Tỉnh lộ 937B)	KV1-VT1	Hết tuyến		300
3	Đường ô tô	KV2-VT2	Cổng Hai Nhân	Giáp ranh xã Vĩnh Biên	200
		KV2-VT1	Đầu đất trường học	Giáp ranh xã Mỹ Quới	250
4	Đường ô tô	KV1-VT1	Cổng Hai gốc tre	Cổng Sáu Hùng (Giáp ranh xã Mỹ Quới)	300
G	THỊ XÃ VĨNH CHÂU				
I	PHƯỜNG I				
1	Đ. Trưng Trắc	1	Suốt đường		10.000
2	Đ. Trưng Nhị	1	Suốt đường		10.000
3	Đ. Trần Hưng Đạo	1	Ngã 4 đường 30/4	Đến ngã 4 đường Lê Lai	7.000
		2	Ngã 4 đường 30/4	Đến đường Phan Thanh Giản	4.000
		2	Ngã tư Lê Lai	Hết đất Chùa bà	4.000
		3	Giáp đất Chùa bà	Cầu Ngang	3.000
4	Đ. Đề Thám	1	Suốt đường		3.000
5	Đường 30/4	1	Cầu Vĩnh Châu	Ngã tư Nguyễn Huệ	6.000
		2	Ngã tư Nguyễn Huệ	Quốc lộ Nam Sông Hậu	4.000
		3	Cầu Vĩnh Châu	Hết đất ông Khuru Lý Minh phía đông, Nguyễn Thị Dung phía Tây	3.000
		4	Giáp đất ông Khuru Lý Minh phía đông, Nguyễn Thị Dung phía Tây lộ 30/4	Đến Cầu Giồng Dú	2.300
6	Đường Lê Lợi	1	Cầu Vĩnh Châu	Đ. Lê Lai	4.000
		1	Cầu Vĩnh Châu	Đ. Phan Thanh Giản	4.000
		3	Ngã 3 đ. Phan Thanh Giản	Kho Cty Vĩnh Thuận	1.600
7	Đ. Phan Thanh Giản	1	Suốt đường		2.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Đ. Nguyễn Huệ	1	Chùa Ông	Ngã 4 Đ. 30/4	6.000
		2	Ngã 4 Đ. 30/4	Ngã 4 Đ. Phan Thanh Giản	5.000
		3	Ngã 4 Đ. Phan Thanh Giản	Giáp đường Thanh Niên	4.000
		4	Giáp đường Thanh Niên	Ranh Phường Vĩnh Phước	3.000
9	Đ. Thanh Niên	1	Suốt đường		2.000
10	Đường Đồng Khởi	1	Đường 30/4	Giáp sông Vĩnh Châu	6.000
		2	Đường 30/4	Cổng Ông Trầm	2.300
		3	Cổng Ông Trầm	Ngã 3 trại giam	1.100
11	Đường Số 4 (Châu Văn Đơ)	1	Đường 30/4	Đường Nguyễn Huệ	2.300
12	Tỉnh lộ 935	1	Cầu Giồng Dú	Hết đất nhà trọ Thảo Nguyên	1.100
		2	Giáp đất nhà trọ Thảo Nguyên	Ranh Phường Khánh Hòa	800
13	Đ. Nguyễn Trãi	1	Cầu Vĩnh Châu	Cầu chợ mới	4.000
		2	Cầu Vĩnh Châu	Cổng Ông Trầm	1.100
14	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt đường		6.000
15	Đ. Lê Hồng Phong	1	Suốt đường		6.000
16	Đ. Bùi Thị Xuân	1	Đường Trung Nhị	Đến Lê Lai	4.000
17	Đ. Lê Lai	1	Cầu Mậu Thân	Quốc lộ Nam Sông Hậu	4.000
		2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 10	2.300
		3	Huyện lộ 10	Đê Biển	1.600
18	Huyện lộ 10	1	Suốt tuyến trong phạm vi Phường 1		1.100
19	Đ. Lý Thường Kiệt	1	Suốt tuyến		2.300
20	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Suốt tuyến		2.300
21	Huyện lộ 111	1	Ngã 3 Giồng Dú	Ranh Phường 2	1.100
22	Đ. Giồng Giũa (khu 5)	1	Suốt tuyến		1.100
23	Đ. Mậu Thân	1	Suốt tuyến		650
24	Đ. Đinh Tiên Hoàng	1	Suốt tuyến		650

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
Hẻm Nối Đường Nguyễn Huệ					
25	Hẻm (Cấp nhà Trường Dân tộc nội trú)	1	Suốt tuyến		500
26	Hẻm số 2 (Cấp nhà ông Phát)	1	Suốt tuyến		2.000
27	Hẻm vào nhà ông Sơn Mo Nát	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Mã Quốc Cường	370
		2	Đoạn còn lại		250
28	Hẻm (Cấp nhà ông Lâm Hai)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Kim Xê	500
		2	Đoạn còn lại		370
Hẻm nối đường Phan Thanh Giản					
29	Hẻm (sau đội quản lý duy tu sửa chữa)	1	Suốt tuyến		500
30	Hẻm (Cơ khí cũ)	1	Suốt tuyến		500
31	Hẻm 214 (đối diện hẻm cơ khí cũ)	1	Suốt tuyến		500
32	Hẻm 200 (Vào nhà ông Thống)	1	Suốt tuyến		500
Hẻm nối đường số 4					
33	Hẻm (Vào Khu tập thể giáo viên)	1	Suốt tuyến		460
Hẻm nối đường Lê Lai					
34	Hẻm (Vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	1	Từ đầu hẻm	Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	800
		2	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn thêm	600
		3	Đoạn còn lại		400
35	Hẻm vào nhà ông Trọng	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Tạ Ngọc Trí	800
		2	Ranh Đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	600
36	Hẻm (Lâm nghiệp)	1	Suốt tuyến		400
37	Hẻm cấp ngân hàng chính sách	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	800
		2	Đoạn còn lại		600
38	Hẻm (Đối diện Đồn 646)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất ông Nguyễn Quang	320
		2	Đoạn còn lại		240

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
39	Hẻm (Vào nhà ông Huỳnh Văn Cộn)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất Ông Châu Xém Tịch	320
		2	Giáp đất Ông Châu Xém Tịch	Hết đất bà Ong Thị Xiệu	240
		3	Đoạn còn lại		160
40	Hẻm (Giồng Giữa)	1	Từ đầu hẻm	Hết đất Trịnh Văn Tó	460
		2	Giáp đất Trịnh Văn Tó	Hết đất ông Tăng Văn Cuối	340
		3	Đoạn còn lại		230
41	Hẻm 106 (hẻm vào nhà ông Hinh)	1	Suốt tuyến		460
42	Đường trong khu TĐC Hải Ngư	1	Suốt tuyến		420
Hẻm nối đường Trần Hưng Đạo					
43	Hẻm Ba Cò	1	Suốt tuyến		630
44	Hẻm 9 (Xóm Gọ)	1	Suốt tuyến		630
45	Hẻm 10	1	Từ đất ông Đỗ Văn Út	Hết đất bà Kim Thị Út	500
46	Hẻm 145	1	Suốt tuyến		500
47	Hẻm Khu Thương Nghiệp cũ	1	Suốt tuyến		500
Hẻm nối đường Mậu Thân					
48	Hẻm (Cấp nhà bà Dự)	1	Suốt tuyến		360
Hẻm nối đường Thanh Niên					
49	Hẻm (Cấp Kho Trương Kết)	1	Suốt tuyến		400
50	Hẻm (Đối diện Làng Nướng)	1	Suốt tuyến		400
Hẻm nối đường 30/4					
51	Hẻm (vào nhà trọ Huy Hoàng)	1	Suốt tuyến		750
52	Hẻm (cấp cây xăng số 13)	1	Suốt tuyến		460
Hẻm nối đường Nguyễn Thị Minh Khai					
53	Hẻm (trong Chợ mới)	1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Mé sông Vĩnh Thành	1.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
II	PHƯỜNG II				
1	Huyện Lộ 111	1	Ranh phường 1	Ranh xã Lạc Hoà	500
2	Đường Trần Hưng Đạo	1	Ranh phường 1	Đến ngã ba Quốc lộ NSH	2.100
3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Ranh phường 1	Ngã ba Quốc lộ Nam Sông Hậu	2.100
		2	Ranh đất bà Lâm Thị Đa Ri	Đến hết đất ông Kim Vong	800
		3	Vị trí còn lại		700
4	Huyện lộ 10	1	Suốt tuyến		650
5	Lộ Dol Chêl	1	Suốt tuyến		200
6	Lộ Vĩnh Bình	1	Suốt tuyến		250
7	Lộ Đal Cà Săng Côm	1	Suốt tuyến		250
8	Lộ đal Vĩnh Bình-Vĩnh An (phía nam lộ NSH)	1	Suốt tuyến		200
9	Lộ đal Vĩnh Bình-Vĩnh An (phía bắc lộ NSH)	1	Suốt tuyến		200
10	Lộ đal Sân Chim-Cà Lăng B	1	Suốt tuyến		200
11	Lộ Giồng Me	1	Suốt tuyến		200
12	Lộ đal Vĩnh Trung	1	Suốt tuyến		200
13	Lộ đal Giồng Nhăn	1	Suốt tuyến		200
14	Lộ dal Đol Chát	1	Suốt tuyến		200
15	Lộ Vô Chùa Cà Săng	1	Suốt tuyến		350
16	Hẻm còn lại	1	Có lộ đal trong phạm vi Phường		150
III	PHƯỜNG VĨNH PHƯỚC				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	2	Cổng PiPu	Hết ranh đất ông Lâm Sóc	2.300
		1	Từ ranh đất ông Lâm Sóc	Salatel ấp Xẻo Me (Khóm Sờ tại B)	5.500
		3	Cổng Wathpich	Hết đất Cây xăng Thanh La Hương,	1.500
		2	Từ ranh Phường 1	Cổng Wathpich	2.300
		4	Đoạn còn Lại		700

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Huyện lộ 10	1	Ngã ba Biển Dưới	Về phía Tây hết đất bà Trần Thị Luồi, phía Đông đến hết ranh đất	800
		2	Còn Lại		600
3	Tỉnh lộ 936	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Kè	1.100
		2	Từ Cầu Kè	Cầu Dù Há	450
4	Tỉnh lộ 940	1	Suốt tuyến		460
5	Đường Nguyễn Huệ	1	Ranh Phường 1	Ngã tư Quốc lộ Nam Sông Hậu	3.000
6	Lộ Phước Tân	1	Hết đất Trường học Biển Dưới	Giáp ranh xã Vĩnh Tân	190
7	Lộ Tà Lét	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện Lộ 10	280
8	Lộ Xẻo Me	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện Lộ 10	360
9	Hẻm trong chợ Xẻo Me	1	Suốt tuyến		4.600
10	Lộ Đại Trị	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu chợ	4.600
		2	Vị trí còn lại		140
11	Lộ Vĩnh Thành	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Mé sông Vĩnh Thành	1.000
		1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1.000
		2	Vị trí còn lại		140
12	Hẻm cặp Trường DT Nội trú	1	Suốt tuyến		500
13	Hẻm còn lại	1	Có lộ đal trong phạm vi phường		150
IV	PHƯỜNG KHÁNH HÒA				
1	Tỉnh lộ 935	1	Hết đất Cụm Công an huyện	Hết đất trường TH Khánh Hòa 2	1.000
		1	Lộ đal Sóc Ngang	Hết đất nhà ông Nhan Hùng	1.000
		2	Mé sông	Hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Hoàng	800
		2	Phần còn lại		800
2	Huyện lộ 11	3	Tỉnh lộ 935	Giáp Kênh Kết Nghĩa	200
		1	Tỉnh lộ 935	Cầu Bưng Thum	360
		2	Cầu Bưng Thum	Cầu Lầm Thiết	280
3	Các tuyến lộ đal	1	Trong phạm vi toàn phường		150

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	XÃ LẠC HÒA				
1	Huyện Lộ 111	KV1-VT1	Hết đất chùa Hải Phước An Tự đến	Hết đất cây xăng Hữu Cón	1.300
		KV1-VT2	Từ tìm công về hướng bắc (lộ Đal)	Hết đất trạm nước	700
		KV1-VT3	Suốt tuyến trong phạm vi xã		500
2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT2	Suốt tuyến trong phạm vi xã		700
3	Lộ Tùng Dù	KV2-VT1	Suốt tuyến		300
4	Lộ Ca Lạc Đại Bái	KV2-VT2	Suốt tuyến		300
5	Lộ Đal Hoà Nam	KV2-VT2	Suốt tuyến		200
6	Lộ dal Ca Lạc A	KV2-VT2	Suốt tuyến		200
7	Lộ Đal Vĩnh Biên	KV2-VT2	Suốt tuyến		200
8	Các vị trí còn lại	KV2-VT3	Trong phạm vi toàn xã		150
VI	XÃ VĨNH HẢI				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Ngã 3 Chùa Trà Sết	Hết đất Cây xăng Mỹ Hưng và hết đất ông Tăng Kil	1.200
		KV1-VT2	Hết đất Trường TH Vĩnh Hải 4	Cầu Mỹ Thanh 2	1.000
		KV1-VT3	Suốt tuyến còn lại trong phạm vi xã		700
2	Huyện lộ 111	KV1-VT1	Hết đất nhà ông Huỳnh Mến	Hết đất ông Năm Phụng (cổng cầu ngang)	700
		KV1-VT2	Suốt tuyến		500
3	Lộ Bà Len	KV2-VT1	Từ ngã tư chợ Vĩnh Hải về hướng bắc đến ngã 3 huyện lộ 111, hướng Nam đến lộ Đal khu An Lạc.		500
4	Lộ đal Âu Thọ B	KV2-VT2	Suốt tuyến		250
5	Lộ đal Âu Thọ A	KV2-VT2	Suốt tuyến		250
6	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	KV2-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết đất bà Lý Thị Vuông	500
		KV2-VT3	Giáp đất bà Lý Thị Vuông	Hồ Bể	140
7	Tỉnh lộ 113 (cũ)	KV2-VT1	Suốt tuyến		500
8	Các vị trí lộ Dal còn lại	KV2-VT3	Có lộ dal trong phạm vi xã		150

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
VII	XÃ HOÀ ĐÔNG				
1	Trung tâm xã Hoà Đông	KV1-VT1	Từ ngã ba chợ Hòa Đông về hướng nam đến hết đất UBND xã, hướng tây đến hết đất nhà ông Quách Suôi, hướng đông đến hết đất cây xăng ông Kiệt		700
2	Huyện lộ 11	KV2-VT1	Suốt tuyến (trừ trung tâm chợ)		360
3	Lộ Đal Càng Buổi	KV2-VT1	Hết ranh đất nhà ông tư Quئن	Hết ranh đất nhà ông Tăng Văn Súa	360
4	Các vị trí lộ Dal còn lại	KV2-VT3	Trong phạm vi toàn xã		150
VIII	XÃ VĨNH TÂN				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Tìm cầu Vĩnh Tân dọc theo lộ về hướng đông hết đất bà Sơn Thị Phên, hướng tây hết đất ông Thạch Chi		800
		KV1-VT2	Còn lại		700
2	Huyện Lộ 10	KV1-VT3	Suốt tuyến còn lại (trừ trung tâm ngã tư)		500
		KV1-VT2	Đầu đất ông Sơn Sinh	Hết đất bà Sơn Thị Uôi	700
3	Lộ NoPuôi (Lộ Vĩnh Hoà)	KV2-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 10	350
4	Các vị trí lộ Dal còn lại	KV2-VT3	Các tuyến lộ daltrong phạm vi toàn xã		150
5	Lộ ra biển	KV2-VT1	Huyện lộ 10	Đê biển	350
IX	XÃ LAI HOÀ				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Công Lai Hoà về hướng Đông đến hết công Xẻo Cốc, hướng Tây đến hết đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương		1.200
		KV1-VT2	Từ ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương về giáp ranh tỉnh Bạc Liêu		1.000
		KV1-VT3	Suốt tuyến còn lại		700
2	Huyện lộ 10	KV2-VT1	Ngã ba Preychóp B, hướng đông đến hết nhà Trần Lưu và Sơn Thị Sà Phuol, hướng Tây đến ranh Bạc Liêu, hướng Bắc đến ranh đất ông Nguyễn Văn Hoài		700
		KV2-VT2	Suốt tuyến trong phạm vi xã		500
3	Lộ Prey Chop	KV1-VT2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết đất ông Thạch Váth	600
		KV1-VT2	Từ ngã ba chợ Prey Chóp về hướng Đông hết đất Trường Tiểu học lai Hoà 5 và đất ông 5 Chua, hướng Tây hết đất ông Đào Hên và đất ông Thạch Khê, hướng nam hết đất VLXD ông Nguyễn Văn Hoài, hướng Bắc đến Công Chữ U		600
		KV2-VT2	Suốt tuyến còn lại (trừ các trung tâm)		350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Lộ Năm căn	KV2-VT3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Đê sông Mỹ Thanh	200
5	Lộ Đal Tà Bôn	KV2-VT2	Suốt tuyến		500
6	Lộ Đal Xung Thum A	KV2-VT2	Ngã 3 Xung Thum A về hướng đông đến hết ranh Chùa Xung Thum, hướng tây hết đất bà Phan Thuý Mừng, hướng Bắc đến hết đất nhà ông Quách Thăng và Miếu Bà		500
		KV2-VT3	Huyện lộ 10	Chợ Preychop (trừ ngã 4 Xung Thum)	200
7	Lộ Đal Khu 5 Lai Hoà	KV2-VT2	Suốt tuyến		500
8	Các tuyến lộ Dal còn lại	KV2-VT3	Trong phạm vi toàn xã		200
X	XÃ VĨNH HIỆP				
1	Huyện lộ 12	KV2-VT1	Cầu Dù Há	Hết đất Phạm Kiều (Đầu Voi)	300
		KV2-VT2	Chợ Vĩnh Hiệp	Hết đất UBND xã	280
2	Các tuyến lộ Dal	KV2-VT3	Các tuyến lộ dal trong phạm vi toàn xã		150
H	HUYỆN LONG PHÚ				
I	Thị trấn Long Phú				
1	Đoàn Thế Trung	3	Đầu hẻm trại giam cũ	Ngã 3 UBND thị trấn	1.500
		2	Ngã 3 UBND thị trấn	Cầu Sắt Chợ	2.800
		1	Cầu sắt Chợ	Ngã tư chợ	3.500
		1	Ngã tư chợ	Hẻm Trường Tiểu học Long Phú A	3.500
		2	Hẻm Trường Tiểu học Long Phú A	Cầu Khoang Tang	2.800
2	Đ. Đặng Minh Quang	1	Ngã 3 Huyện ủy	Đầu Hẻm 7 Nhiên	2.200
		2	Đầu hẻm 7 Nhiên	Qua Ngã ba Chín Đô đến cầu Long Phú mới	1.800
		2	Ngã 3 Chín Đô	Cổng Bệnh Viện	1.800
		3	Cổng Bệnh Viện	Kênh 5 Nhạo	1.500
		4	Kênh Năm Nhạo (tính về phía lộ)	Giao lộ Nam Sông Hậu	1.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Đ. Lương Định Của	1	Ngã tư chợ	Hẻm Ba Min	2.800
		3	Hẻm Ba Min	Cầu Tân Lập	2.200
		1	Ngã tư chợ	Hẻm nhà ông Nhu (ấp 3)	2.800
		2	Đầu ranh đất ông Nhu	Hết ranh Chùa Năm ông	2.300
		4	Giáp ranh Chùa Năm ông	Cổng bà Bảy Vườn	1.900
		5	Cổng bà Bảy Vườn	Ngã 3 Chín Đô	1.500
4	Đ. Nguyễn Trung Trực	1	Ngã 3 giáp đường Đặng Quang Minh	Cổng Hai Hường	1.000
		2	Cổng Hai Hường	Cầu Nam sông Hậu (ấp 2)	800
5	Đường Tỉnh 933	1	Cầu Khoang Tang	Hết ranh đất UBND huyện	2.200
		2	Ranh đất UBND huyện	Hết đất Ông Tư đồng hồ	1.500
		3	Ranh đất Ông Tư đồng hồ	Ranh xã Tân Hưng	800
6	Đường Huyện 27	1	Đầu Hẻm trại giam cũ	Hết Nghĩa trang thị trấn	800
		2	Giáp Nghĩa trang thị trấn	Giáp ranh xã Long Phú	600
7	Đường Nam Sông Hậu	2	Cổng Bào biển	Cổng (phà Đại Ân 1)	330
		1	Cổng (phà Đại Ân 1)	Cầu Nam sông Hậu (ấp 2)	380
		3	Cầu Nam sông Hậu (ấp 2)	Ranh xã Long Phú	280
8	Lộ đal ấp 1	1	Ngã 3 vào Đình Nguyễn Trung Trực	Vàm Hải Quân	300
		2	Giao lộ Nam Sông Hậu	Giao lộ Nam Sông Hậu và đường xuống Bến phà Đại Ân 1	250
		1	Đường xuống Bến phà Long Phú đi Đại Ân 1	Suốt đường	300

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Các tuyến hẻm thuộc đường Đoàn Thế Trung	1	Cầu Sắt (chợ)	Cầu Tân Lập (hẻm mé sông)	2.200
		1	Cầu Sắt (chợ)	Hết ranh đất Tư Xiêm (hẻm mé sông)	850
		2	Ranh đất Tư Xiêm	Hết đất Thạch De (hẻm mé sông)	220
		1	Cầu Sắt (chợ)	Hết đất nhà máy Mậu Xương (hẻm mé sông)	700
		2	Ranh đất nhà máy Mậu Xương	Hết đất ông Huỳnh Thiện (hẻm mé sông)	300
		1	Ngã 3 UBND thị trấn	Cầu Chùa phật	700
		1	Đầu ranh đất Tư Khương	Giáp Chùa Ông Bồn	230
		1	Đường nội ô Chợ Tân Long (ấp 5)		1.500
		1	Hẻm Trường TH Long Phú A	Suốt tuyến	2.200
		1	Hẻm tiệm vàng Sơn	Suốt tuyến	2.200
10	Các tuyến hẻm thuộc đường Đặng Quang Minh	1	Đường nội ô chợ đập ấp 2		1.000
		1	Hết đất VLXD Trường Đạt	Giao Đường Đặng Quang Minh	889
		1	Từ đầu đất quán "Đà lạt 3" (đường đá sỏi)	Giao đường Đặng Quang Minh	250
		1	Khu chăn nuôi cũ		250
		1	Hẻm cấp trường tiểu học Long Phú C	Suốt tuyến	300
11	Đường đal cấp kênh Xáng	1	Đầu Xóm Kinh Xáng ấp 3	Hết ranh đất ông Kép	200
12	Đường vào bãi rác TT Long Phú	1	Giao đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	250
13	Các tuyến hẻm thuộc đường Lương Đình Của	1	Đường vào nhà lồng chợ ấp 3		1.500
		1	Hẻm cấp sông từ nhà lồng chợ ấp 3	Giáp ranh Chùa Năm Ông	800
		1	Cầu Khoang Tang	Cầu Tân Lập	850
		1	Hẻm 3 Gà	Suốt đường	230
		1	Cổng bà 7 Vườn (lộ đal)	Đầu đất bãi rác cũ	200
14	Đường trại giam cũ	1	Giao Huyện lộ 27	Ranh xã Long Phú	220
15	Lộ đal vào nghĩa địa ấp 4	2	Giao Tỉnh lộ 933	Đầu Đường đal (nhà bà Tâm)	230
		1	Đầu Đường đal (nhà bà Tâm)	Hết đất Nhà bà Mai Thị Phương	250

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
16	Đường đi ấp Khoang Tang	1	Cầu Khoang Tang	Ranh Nhà máy ông Đức	300
		2	Nhà máy ông Đức	Hết đất nhà ông Thạch Com	250
	Đường vòng cung ấp Khoang Tang	1	Giáp ranh đất nhà ông Thạch Com	Nhà Văn hoá ấp Khoang Tang	250
		2	Giáp ranh nhà Văn hoá ấp Khoang Tang	Cầu Đầu Sóc	200
		1	Cầu Đầu Sóc	Hết đất nhà bà Lành	250
		1	Giáp ranh đất nhà bà Lành	Giáp ranh đất nhà ông Thạch Com	250
	Đường đi từ ấp Khoan Tang đến xã Tân Hưng	1	Cầu Đầu Sóc (lộ đal)	Đầu cầu "Tam Giác Vàng" (ấp Khoang Tang)	200
		1	Từ đầu cầu "Tam Giác Vàng" (ấp Khoang Tang)	Hết đất nhà ông Mai Văn Xuyên	200
II	Thị trấn Đại Ngãi				
1	Các tuyến đường nội ô chợ	1	Ngã 3 Vĩnh Thuận	Đền thờ Phật Mẫu	1.600
		1	Hai đường cặp hông chợ Đại Ngãi		4.200
		2	Đền thờ Phật Mẫu	Hết đất Bưu điện	1.200
		1	Ngã 3 Vĩnh Thuận	Ngã 3 nhà ông Xe	2.200
		2	Ngã 3 nhà ông Xe	Ngã 4 ông Thép	2.000
		3	Ngã 4 ông Thép	Hèm Ba Ngọt	1.200
		4	Hèm Ba Ngọt	Khu chợ mới	1.200
		1	Ngã 3 Vĩnh Thuận	Ngã 3 ông Lâm	2.000
1	Các tuyến đường nội ô chợ	1	Ngã 3 Năm Thuận	Bến phà	1.200
		1	Bến phà	Hèm Tây Nam (Lộ cặp sông)	1.600
		1	Hèm Tây Nam	Hết đất chợ mới (Lộ cặp sông)	1.200
		5	Giáp đất chợ mới	Hèm 7 Công	750
		6	Hèm 7 Công	Cầu Đại Ngãi (Lộ cặp sông)	600
		1	Đường Nhà thờ	Suốt đường	600
		1	Đầu ranh đất Ông Lũy	Hết ranh đất bà Cúc	400
		1	Các tuyến đường còn lại trong khu Chợ Mới		2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đ. Nam Sông Hậu	1	Ranh xã Song Phụng	Ngã 4 (giao với QL60)	850
		2	Ngã 4 (giao với QL60)	Cầu Đại Ngãi	800
3	Quốc lộ 60	4	Sông Hậu	Ngã 3 Năm Thuận	800
		2	Ngã 3 Năm Thuận	Ngã 3 Bưu điện	900
		1	Ngã 3 Bưu điện	Ngã tư (Giao Quốc lộ Nam Sông Hậu)	1.000
		3	Ngã tư (Giao Quốc lộ Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Phân viện	850
		4	Giáp Phân viện	Cầu Mương Điều	800
		5	Cầu Mương Điều	Ranh xã Hậu Thạnh	750
4	Đường huyện 20	1	Cầu Mương Điều	Ranh ấp Phụng Sơn - Song Phụng	400
5	Đường xuống bến phà Đại Ngãi	1	Ngã ba (giao với Quốc lộ Nam Sông Hậu)	Bến phà Đại Ngãi	650
6	Các tuyến hẻm nội ô Thị trấn	1	Đầu đường Di Long	Ngã tư ông Két	1.000
		1	Hẻm ông Chà	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm ông Tỷ	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm 3 Ánh	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm 7 Mol	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm 5 Thắng	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm ông Nu	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm ông Huỳnh	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Bưu điện	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm 2 Sơn	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm ông Tuấn	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Ngân hàng	Suốt hẻm	700
		1	Hẻm Tây Nam	Suốt hẻm	700
		1	Hẻm Lò Bún	Suốt hẻm	700
		1	Hẻm Cây Gòn	Suốt hẻm	600

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
6	Các tuyến hẻm nội ô Thị trấn	1	Hẻm Lợi Dân	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm 7 Công	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm Đền Thờ Phật Mẫu	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Tổ Điện Lực	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Thiên Hậu Cung	Suốt hẻm	700
		1	Hẻm Đội thuế	Suốt hẻm	800
		1	Hẻm ông Trọng	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm Hai Mảnh	Suốt hẻm	550
		1	Hẻm ông Hợp	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm nhà ông Bọ	Hết nhà ông Vũ	700
		1	Bến Phà mới	Giáp ranh xã Song Phụng	200
		1	Từ đầu đất nhà ông Lũy	Hết đất nhà ba Thành	550
		1	Hẻm 3 Ngọt	Suốt hẻm	650
		1	Từ đầu hẻm 3 Ngọt	Lộ Sân bóng	600
		1	Từ lộ sân bóng	Trường Tiểu học Đại Ngãi A	800
		1	Giáp ranh Trường Tiểu học Đại Ngãi A	Hết đất ông Võ Văn Hai	500
7	Các đường còn lại	1	Đường vào bãi rác	Suốt đường	200
		1	Cầu Đại Ngãi	Cầu An Đức	350
		1	Cầu Muong Điều	Ranh ấp Phụng Sơn (nhà Đinh Văn Tư)	300
		1	Nhà ông Đền	Cầu Tư Huệ	250
		1	Đường bầu tròn ấp An Đức đến suốt đường		250
		1	Lộ ông Hàm	Suốt đường	250
		1	Lộ bà Xã Vĩ	Suốt tuyến	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
III	Xã Song Phụng				
1	Các tuyến đường khu vực Trung tâm xã	KV1- VT1	Giao Quốc lộ Nam Sông Hậu	Bến dò Nhơn Mỹ	300
		KV1- VT2	Bến dò Nhơn Mỹ	Giáp ranh đất ông Quận	250
		KV1- VT2	Bến dò Nhơn Mỹ	Cầu Rạch Mộp	250
2	Đường Nam Sông Hậu	KV1- VT2	Cầu Rạch Mộp	Giao lộ Nam Sông Hậu với đường vào UBND xã	600
		KV1- VT3	Giao lộ Nam Sông Hậu với đường vào UBND xã	Ranh đất Hai Quân	500
		KV1 -VT1	Đất Hai Quân	Ranh thị trấn Đại Ngãi	700
3	Huyện Lộ 20 (Lộ Khu 4)	KV2 -VT1	Giao lộ Nam Sông Hậu	Cầu Trường Tiền	300
		KV2 -VT2	Cầu Trường Tiền	Giáp ranh TT. Đại Ngãi (cấp rạch Mương Điều)	200
4	Đường đal	KV2- VT2	Cầu Trường Tiền	Ranh xã An Mỹ- Huyện Kế Sách	200
		KV2- VT2	Đầu đất ông Quận	Giáp ranh TT. Đại Ngãi	200
		KV2- VT2	Lộ Rạch Bần	Suốt tuyến	200
IV	Xã Hậu Thạnh				
1	Quốc Lộ 60	KV1- VT1	Ranh xã Trường Khánh	Ranh xã Đại Ngãi	750
2	Huyện lộ 21 (Đường cấp kinh Thầy Cai)	KV2 -VT1	Ranh huyện Kế Sách	Quốc lộ 60 (gần UBND xã)	350
		KV2- VT2	Quốc lộ 60 (gần UBND xã)	Hết đất ông Trần Văn Dài	250
3	Đường cấp Kênh Cây Dương	KV2- VT2	Ngã ba Cây Dương	Kênh Năm Định	260
		KV2- VT1	Kênh Năm Định	Giáp ranh xã Phú Hữu	280
4	Đường đal	KV2- VT2	Giáp ranh đất ông Trần Văn Dài	Ngã ba Cây Dương	250
		KV2- VT1	Cầu số 3 (Giáp QL 60)	Chùa Bà Ấp Phổ	350
		KV2- VT2	Ranh Chùa bà Ấp Phổ	Ranh thị trấn Đại Ngãi	200
		KV2- VT2	Ngã ba Cây Dương	Cầu Đình Phổ	200
		KV2- VT3	Cầu Đình Phổ	Hết đất bà Nguyễn Thị Út	150
		KV2- VT3	Giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Út	Giáp ranh đất ông Tám Minh	150
		KV2- VT3	Đất ông Tám Minh	Giao lộ cấp Kênh Cây Dương	150
		KV2-VT3	Giáp cầu ông Hai Thứ	Hết đất ông Lý Văn Tiếp	140

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	Xã Trường Khánh				
1	Đường cấp hông chợ	KV1- VT1	Đất nhà Bà Hiền	Hết đất nhà Ông Kia	2.200
		KV1- VT2	Đất ông Ngoãn	Hết đất Ông Rết	2.000
		KV1- VT3	Đất nhà Ký Tuôi	Hết đất nhà Ông Nghĩa	1.800
2	Quốc lộ 60	KV2- VT1	Ranh xã Hậu Thạnh	Trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp	850
		KV1 -VT3	Ranh trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp	Giao Tỉnh lộ 932D (Giao Hương lộ 20 cũ)	1.200
		KV1- VT1	Giao Tỉnh lộ 932D (Hương lộ 20 cũ)	Cầu Trường Khánh	2.200
		KV1- VT2	Cầu Trường Khánh	Giáp ranh TP Sóc Trăng	2.000
3	Tỉnh lộ 932D	KV2-VT1	Giao Quốc lộ 60	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	500
		KV2-VT2	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	Kênh Xáng	250
5	Các đường còn lại trong phạm vi quy hoạch xây dựng đô thị	KV2- VT1	Đầu nhà Ông Bình	Đầu đất 5 Kha	320
		KV1- VT3	Giao Quốc lộ 60	Cầu bà Chín	450
		KV1- VT3	Giao Quốc lộ 60	Cầu ông Tích	450
		KV2- VT2	Lộ sau Chùa: Đầu đất nhà bà Mến	Giáp ranh đất nhà ông Ba Thương (Trường Thành B)	220
		KV1- VT2	Cầu Trường Khánh	Cầu 5 Thắng	600
		KV1- VT2	Ranh đất ông Kia	Hết ranh Trường Tiểu học Trường Khánh B	600
		KV1- VT2	Đường vào Trường Tiểu học Trường Khánh B	Suốt tuyến	600
5	Các đường còn lại trong phạm vi quy hoạch xây dựng đô thị	KV2- VT1	Cầu bà Chín	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	300
		KV1 -VT2	Hẻm Bác Sĩ Năm	Suốt hẻm	900
		KV1- VT3	Hẻm Hai Tráng	Suốt hẻm	450
		KV2-VT2	Hẻm nhà Tám Lùn	Hết ranh đất Ông On	250
		KV2 -VT1	Đầu ranh Quán bà Xuyên	Suốt hẻm	300
6	Đường đal ấp Trường Thọ	KV2- VT1	Đường vào ấp Trường Thọ: Từ Giao Quốc lộ 60	Cầu Trường Thọ	270
		KV2- VT2	Cầu Trường Thọ	Hết đường đal	220
		KV2- VT3	Cầu Trường Thọ	Nhà ông Hôn	200
		KV2- VT3	Giao đường đal vào ấp Trường Thọ	Cầu nhà ông Lý Phương	200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Các đường còn lại khu vực phía Nam Sông Giảng Cơ	KV2- VT2	Cầu Ông Tích	Cầu Napích	220
		KV2- VT2	Cầu Napích	Hết đường đal	220
		KV2- VT1	Cầu ông Tích	Cầu Bãi rác xã Trường Khánh	280
		KV1- VT3	Lộ cặp kênh thầy rùa: Giao Quốc lộ 60	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	330
		KV2 -VT1	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	Cầu Thanh Niên Trường An	300
		KV2 -VT3	Đất nhà ông Khôi	Đất nhà ông Hòa (Trường An)	200
		KV2- VT2	Đầu đất Ông Phạm Văn Hai	Hết đất Ông Đoàn Văn Tư	250
		KV1 -VT3	Cầu 5 Thắng	Cầu ông Dú	350
		KV2- VT2	Cầu Ông Dú	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	280
		KV2- VT3	Nhà ông Lý Thành	Nhà ông Thạch Dương (Trường Hưng)	200
8	Tuyến Kênh Cầu Ván	KV2- VT3	Giao Quốc lộ 60	Hết đất nhà ông Lý Ken	200
9	Các đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giảng Cơ	KV2- VT1	Hẻm nhà Út Bá	Suốt hẻm	350
		KV2- VT1	Hẻm Đào Chức	Rạch Trường Bình	350
		KV2- VT1	Hẻm ông Trần Tốt	Rạch Trường Bình	350
		KV2 -VT1	Cầu 5 Kha	Cầu bà Kế (cầu lò rèn)	320
		KV2- VT2	Cầu bà Kế (cầu lò rèn)	Rạch Trâm Bầu	250
		KV2- VT2	Cầu bà Kế (cầu lò rèn)	Hết đất nhà Ông Võ	300
		KV2- VT2	Ranh đất nhà ông Võ (đường đal)	Giáp kênh Bung Xúc	250
		KV2- VT3	Từ cầu nhà ông Luân	Hết đất nhà ông Bình (Trường Hưng)	200
		KV2 -VT1	Cầu Đen	Hết đất ông Giới	400
		KV1-VT2	Cầu Đen	Hết đất Ông Són	700
		KV2- VT2	Cầu bà Chín	Cuối đường đal	220
		KV2 -VT2	Đường vào ấp Trường Lộc: Cầu Thanh Niên Trường Thành B	Ranh xã An Mỹ- Huyện Kế Sách	250
		KV2- VT2	Giao Quốc lộ 60 (đường vào ấp Trường Lộc)	Cầu bà Chil	220

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Các đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giảng Cơ	KV2- VT2	Cầu bà Chil	Cầu Khana Cũ	220
		KV2- VT3	Cầu Khana Cũ	Nhà ông Trần Gia (Trường Lộc)	200
		KV2- VT2	Đường 3 Sầm: Từ Cầu bà Cúc	Kênh Xáng	250
		KV2- VT2	Cầu Chữ Y (ấp Trường Lộc)	Hết đất nhà ông Trần Huôl	250
		KV2- VT2	Đường cặp kênh Ông Cả: Giao Quốc lộ 60	Hết đất Ông Diệu	300
		KV2- VT2	Đường số 6	Suốt tuyến	250
VI	Xã Long Đức				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1- VT1	Cầu Đại Ngãi	Giao Tỉnh lộ 935B	500
		KV1- VT2	Giao Tỉnh lộ 935B	Ranh Sân phân phối 500/220 KV	400
		KV1- VT3	Sân phân phối 500/220 KV	Ranh TT Long Phú	300
2	Tỉnh lộ 935B (Đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh)	KV1- VT3	Đất ông Lê Văn Thạnh (đầu lộ đal)	Ranh xã Phú Hữu	300
3	Tuyến lộ Nam Sông Hậu (cũ)	KV1- VT3	Giao lộ Quốc lộ Nam Sông Hậu và Tỉnh lộ 935B	Ngã ba giao với Đường Nam Sông Hậu (tuyến tránh trung tâm Điện lực Long Phú)	300
4	Huyện lộ 23 (Đường đal cặp kinh mới cũ)	KV2- VT1	Kênh Bà Sầm	Hết đất ông Huỳnh Văn Chính	250
		KV2- VT2	Ranh đất ông Huỳnh Văn Chính	Giáp lộ đal liền 3 ấp	220
5	Các tuyến đường Khu vực UBND xã cũ	KV1- VT2	Bến Phà Long Đức-Đại Ngãi	Hết ranh đất ông Lê văn Thạnh (đầu lộ đal)	300
		KV1- VT3	Giáp ranh đất ông Lê Văn Thạnh (đầu lộ đal)	Hết đất ông chín Mốc (giáp ranh nhà máy nhiệt điện)	250
		KV1- VT1	Đầu ranh đất 5 Trung	Giáp ranh đất chị Thâm (đầu kênh bà Sầm)	400
6	Tuyến lộ cặp rạch Trường Ý	KV2- VT3	Giao Đường tỉnh 935B	Sông Saintard	200
7	Lộ đất	KV2- VT3	Hai bên kênh bà Sầm		200
		KV2- VT3	Cổng Bảo Biền	Kênh Bà Sầm	200
		KV2- VT3	Lộ cặp sông Sainstard (ấp Hoà Hưng) từ nhà Nguyễn Tấn Triệu	Cổng Phú Hữu	150

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Đường đal	KV2- VT3	Đường đal cấp kênh mới từ lộ NSH	Cầu kênh bà Sầm	200
		KV2- VT3	Tuyến lộ vào khu Tái định cư và các tuyến lộ trong khu tái định cư		200
		KV2- VT3	Lộ 2 bên kênh Bào Tre: Từ giao Huyện Lộ 23	Suốt tuyến	150
		KV2- VT3	Lộ Gạch Gốc ấp An Hưng	Suốt tuyến	150
		KV2- VT3	Lộ Rạch Cùi	Suốt tuyến	170
9	Đường đal (liền 3 ấp)	KV2- VT3	Giao Đường tỉnh 935B	Cổng 3 Đờm	200
VII	Xã Phú Hữu				
1	Tỉnh lộ 935B (Đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh)	KV1- VT1	Ranh xã Long Đức	Ranh xã Châu Khánh	300
2	Huyện lộ 23	KV1- VT2	Giao Tỉnh lộ 935B	Ngã 3 Cầu Ngang	220
3	Huyện lộ 22 (Đê tả Sông Santard)	KV1- VT2	Cầu Mây Hắt (cấp sông Saintard)	Ranh xã Châu Khánh.	220
4	Tuyến cấp Sông Giảng Cơ	KV2- VT2	Đình Phú Trường	Suốt tuyến	200
5	Lộ vòng cung (giáp ranh xã Long Đức)	KV2- VT2	Từ Cầu Phú Hữu (ấp Phú Hữu)	Giao Tỉnh lộ 935B (ấp Phú Thứ)	200
6	Tuyến lộ phía Đông cấp Rạch Mây Hắt	KV2- VT2	Cầu Mây Hắt (cấp sông Saintard)	Rạch ông Xuân	200
		KV2- VT3	Rạch ông Xuân	Sông Giảng Cơ	150
7	Tuyến lộ phía Tây cấp Rạch Mây Hắt	KV2- VT3	Giáp ranh xã Hậu Thạnh	Cầu Thanh Niên Phú Trường (giáp ranh xã Trường Khánh)	150
8	Lộ vòng cung	KV2- VT3	Từ cầu giáp Mây Hắt đi vòng cấp sông Santard và rạch Chùa Ông trở về cầu giáp Mây Hắt		150
9	Lộ cấp rạch ông Xuân	K2- VT2	Giao Huyện lộ 22	Hết đất ông Tiền	200
10	Lộ đal Tư Liêu	KV2- VT3	Giao Huyện lộ 22	Cầu kênh Cấp 2	150
VIII	Xã Châu Khánh				
1	Tỉnh lộ 935B (Đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh)	KV1- VT1	Ranh xã Phú Hữu	Ranh xã Tân Thạnh	350
2	Huyện lộ 24 (đường thè số 9)	KV1- VT2	Giao Tỉnh lộ 935B	Ranh xã Tân Thạnh	270

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Các đường đal khu vực phía Đông sông Saintard	KV2- VT1	Giao Tỉnh lộ 935B(đê bao Phú Hữu-Mỹ Thanh cũ)	Ranh xã Tân Hưng	220
		KV1- VT3	Cầu 6 Tiền giáp Long Đức	Ngã 3 lộ (gần nhà Ông Ôn)	250
		KV2- VT2	Cổng thủy nông (cầu ba Hô)	Giao Huyện lộ 24 (đường thê số 9 cũ)	200
		KV2- VT2	Tuyến lộ khu C	Suốt tuyến	200
4	Các đường đal khu vực phía Tây sông Saintard	KV1- VT3	Ranh Phường 8- TPST	Cầu Thanh niên Trường An	240
		KV2- VT2	Cầu Thanh niên Trường An	Cầu Thanh niên Chông Chác (P5- TPST)	215
		KV2- VT3	Cầu Thanh niên Chông Chác (P5- TPST)	Ranh Khóm 5, phường 5, TPST	200
		KV2- VT2	Đầu đất Ông Chiến (giáp Phú Hữu)	Cầu Ông Bến	220
5	Đường đất	KV2- VT3	Giáp lộ giao thông 30/4	Vàm Văn Cơ	200
IX	Xã Tân Thạnh				
1	Khu vực chợ Tân Thạnh	KV1- VT1	Khu vực chợ Tân Thạnh	Tổ dân cư số 2, ấp Saintard	400
2	Tỉnh lộ 933	KV1- VT2	Ranh xã Tân Hưng	Cầu Cái Quanh	700
		KV1- VT1	Cầu Cái Quanh	Cầu Saintard	1.000
3	Đường tỉnh 935B	KV1- VT2	Ranh xã Châu Khánh	Cổng số 13	400
		KV1- VT1	Cổng số 13	Cổng Cái Quanh	500
		KV1- VT3	Cổng Cái Quanh	Cổng Chòi Mòi	350
		KV2- VT1	Cổng Chòi Mòi	Qua cổng Cái xe đến giáp ranh TPST	300
4	Huyện lộ 24 (đường thê số 9)	KV2- VT1	Giao Tỉnh lộ 933	Ranh xã Châu Khánh	270
5	Đường vào bãi rác	KV2- VT3	Suốt tuyến		200
6	Khu vực chợ Cái Quanh	KV1- VT2	Cầu Cái Quanh	Hết đất ông Út Tài	600
		KV1- VT2	Ngã 3 chợ Cái Quanh	Cầu Nhà Thờ	600
7	Đường cặp sông Saintard	KV1- VT3	Ranh xã Châu Khánh	Hết ranh đất Nhà quản lý Cổng Cái Xe	350
8	Đường đal 2 bên sông Mương Tra	KV2- VT3	Đầu cầu Tân Hội -Mương Tra	Hết đất ông Mau	200
		KV2- VT3	Cổng Cái Xe	Hết đất nhà ông Khởi	200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Đường đal còn lại	KV1-VT3	Giáp đất ông Út Tài	Đập Hai Hải	350
		KV2 -VT1	Đập Hai Hải	Cầu Cái Đường	245
		KV2 -VT3	Cầu Cái Đường	Cầu Cái Xe	200
		KV2 -VT2	Cầu Cái Đường	Giao Tỉnh lộ 935B (đê bao Phú Hữu-Mỹ Thanh)	220
		KV2 -VT2	Cầu Nhà Thờ	Cầu ông Tư Nhiệm	220
9	Đường đal còn lại	KV2 -VT1	Hết đất ông Tri	Giao Lộ Hàm Trinh	260
		KV2 -VT2	Hết đất ông 9 Hiệu	Hết đất ông Tư Chung	220
		KV2 -VT3	Cổng Bà Cầm	Đình Tân Hội	200
		KV2 -VT3	Đầu đất Tư Hữu	Cầu 2 Do	200
		KV2-VT1	Ngã 3 Hải Vân (Cái Đường)	Hết đất bà 7 Thêu	245
		KV2 -VT3	Ngã 3 Nhà ông Tùng	Cầu Tân Hội-Mương Tra	200
		KV2-VT1	Cầu Út Hiền	Cầu Thanh Niên	245
		KV1-VT3	Cầu Sanitard	Ranh xã Châu Khánh (Thuộc lộ khu 3)	350
X	Xã Tân Hưng				
1	Tỉnh lộ 933	KV1 -VT1	Ranh Thị trấn Long Phú	Ranh xã Tân Thạnh	600
2	Huyện lộ 25	KV1- VT2	Giao Tỉnh lộ 933 (UBND xã)	Hết đất nhà ông Sáu Ảnh	350
		KV1 -VT3	Giáp đất nhà ông Sáu Ảnh	Cầu Đầu Sóc	300
		KV1- VT1	Cầu Đầu Sóc	Cầu Xóm Rẫy	400
3	Các đường đal khu vực ấp Sóc Dong	KV2- VT2	Đầu ranh đất 2 Đực qua Cầu nhà lâu	Giáp ranh Lợi Hưng-Long Đức	250
		KV2- VT3	Cầu nhà Lâu	Kênh Hai Hường	200
		KV2- VT3	Cầu Bào Trễ	Hết đất nhà ông Ba Xế	200
		KV2- VT3	Giáp ranh đất nhà ông Ba Xế	Hết đất ông Nguyễn Văn Thành	200
4	Lộ đal cặp sông Bờ biển phía Nam	KV2- VT3	Cầu đầu Sóc	Ranh thị trấn Long Phú	200
	Lộ đất cặp sông Bờ biển phía Bắc	KV2- VT3	Cầu đầu Sóc	Ranh thị trấn Long Phú	200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
5	Các đường đal còn lại khu vực phía Bắc Tỉnh lộ 933	KV2 -VT2	Đầu đất Ông Tiên (giáp huyện lộ) qua cầu Bưng Xúc	Hết đất ông Lâm Sanh	200
		KV2 -VT2	Trường Tiểu Học Tân Hưng A	Hết đất ông Kim Sang	200
		KV2 -VT3	Nhà Kim Sang (qua cầu 3 Bạch)	Giao Huyện lộ 25	150
		KV2 -VT2	Hết đất ông Hiệp qua huyện lộ đến đất bà mai qua cầu chín chiến	Hết đất ông 8 Kiển	200
6	Huyện lộ 26	KV2- VT2	Cầu Liên Ấp TQA- Kokô	Rạch Bưng Thum xã Long Phú	215
7	Các đường đal còn lại khu vực phía Nam Tỉnh lộ 933	KV2 -VT3	Cầu Liên Ấp TQA- Kokô	Kênh Hưng Thạnh	200
		KV2- VT3	Cầu PécDon	Kênh ông Hi	200
		KV2- VT3	Cầu PécDon	Hết đất ông Trà Thành Lợi	200
		KV2- VT3	Cầu Khu 3	Kênh Hưng Thạnh	200
		KV2- VT3	Cầu Kim Sang	Sân phơi Tân Qui B	200
XI	Xã Long Phú				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1- VT3	Ranh thị trấn Long Phú	Ranh xã Đại Ân 2	350
2	Huyện lộ 27	KV1- VT2	Ranh xã Đại Ân 2	Nghĩa địa	400
		KV1- VT1	Nghĩa địa	Ranh thị trấn Long Phú	600
3	Huyện lộ 28	KV2- VT3	Suốt tuyến		200
4	Lộ đất (Đê Nam Sông Hậu cũ)	KV2- VT3	Đầu đất nhà ông Trương Văn Tư	Cổng Xã Chi	200
5	Các đường đal còn lại phía Đông Huyện lộ 27	KV2 -VT3	Cầu Mặn 1	Cầu sắt Mặn 1 (cặp rạch Mặn 1 bên sông)	200
		KV2- VT3	Cầu sắt Mặn 1	Kênh Xá Chi	200
		KV2- VT3	Giao Huyện lộ 27 (UBND Xã)	Hết đất Kim Yêm	200
		KV2 -VT3	Giao Huyện lộ 27 (Hết đất ông Hoàng)	Cầu Mặn 2	200
		KV2- VT3	Cầu Mặn 2	Giáp ranh thị trấn Long Phú (hết đất ông Xiêm gần chùa Nước Mặn)	200
		KV2- VT3	Cầu Nước Mặn 2	Cầu Thanh Niên Mười Chiến	200
		KV2- VT3	Giao Huyện lộ 27	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy	200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
6	Lộ Vành đai Sóc Mới - Tân Lập	KV2- VT2	Cầu Tân Lập	Cầu Sóc Mới (qua Nghĩa trang liệt sĩ)	300
		KV2- VT3	Cầu Sóc Mới (qua Nghĩa trang liệt sĩ)	Kênh 25/4	200
7	Các đường đal còn lại phía Tây Huyện lộ 27	KV2- VT3	Giao huyện lộ 27 (UBND xã)	Ngã 3 Ông Sanh	300
		KV2- VT3	Ngã 3 Ông Sanh	Cầu Chùa Phật	200
		KV2- VT3	Ngã 3 ông Sanh	Giao Huyện lộ 28 (gần ranh ấp Tú Diễm)	200
		KV2- VT3	Cầu Tân Lập	Kênh Phụ Nữ	200
		KV2- VT3	Kênh Phụ Nữ	Ngã 3 trường Tiểu học Long Phú C (Sóc Mới)	200
		KV2- VT3	Ngã 3 trường Tiểu học Long Phú C (Sóc Mới)	Giao lộ Vành đai Sóc Mới - Tân Lập	200
		KV2- VT3	Đất ông Vương Văn Tài	Lộ vành đai Sóc Mới-Tân Lập	200
		KV2- VT3	Ngã 3 Chùa Phật	Cầu ông Phum	200
		KV2- VT3	Cầu ông Phum	Hết đất Lý Thị Mỹ (ngã 3)	200
		KV2- VT3	Ngã 3 trường Tiểu học Long Phú C (Sóc Mới)	Giáp ranh đất nhà bà Lý Thị Mỹ (ngã ba)	200
		KV2- VT3	Đầu đất nhà bà Lý Thị Mỹ	Cầu Thanh Niên Bưng Thum	200
		KV2- VT3	Cầu Thanh Niên Bưng Thum	Cầu ông Sa Vel	200
		KV2- VT3	Cầu ông Savel	Cầu nhà mát (qua cầu Thạch Năm)	200
		KV2- VT3	Hết đất ông Chẹ	Trường Tiểu học Long Phú C (điểm Bưng Tròn)	200
		KV2- VT3	Trường Tiểu học Long Phú C (điểm Bưng Tròn)	Cầu Kim Thái Thông	200
		KV2- VT3	Đầu đất Lâm Sét	Kênh Lò Đường	200
		KV2- VT3	Giao Huyện lộ 28 (Nhà ông Lương Văn Lượng)	Ranh huyện Trần Đề	200
I	HUYỆN CÙ LAO DUNG				
I	Thị trấn Cù Lao Dung.				
1	Đường hai bên hông chợ Bến Bạ.	1	Suốt đường		4.500
2	Đường Đồng Khởi	1	Hết ranh đất Bảy Xe	Hết đất Nhà VH Thị trấn	2.800
		2	Giáp đất Nhà VH Thị trấn	Cầu Bến Bạ	2.400
		2	Giáp ranh đất Bảy Xe	Cuối đường Xóm cù	2.400
		1	Giáp ranh Cầu xã	Cầu Bến Bạ nhỏ	2.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Đường Đoàn Thế Trung	1	Từ Chợ Bến Bạ	Ngã Tư giáp đường Hùng Vương	3.500
		2	Ngã Tư giáp đường Hùng Vương	Hết ranh đất điện lực Cù Lao Dung	2.800
		3	Hết ranh đất điện lực Cù Lao Dung	Bến đò Giồng Đình	2.200
4	Đường Đoàn Văn Tổ	1	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	2.600
5	Đường 3 tháng 2	1	Giáp ranh Bệnh viện đa khoa	Đường Hùng Vương	1.200
6	Đường Hùng Vương	1	Hết đất cây xăng Lê Vũ	Giáp đường 3/2	1.700
		3	Đường 3/2	Ranh xã An Thạnh Tây	1.200
		2	Giáp ranh đất cây Xăng Lê Vũ	Cầu Kinh Đình Trụ	1.400
7	Đường đal (đất ông Đương)	1	Giáp Đường Đoàn Thế Trung	Giáp Đường Đoàn Văn Tổ	1.700
8	Đường 20/11	1	Giáp đường 3 tháng 2	Giáp Đường Đoàn Văn Tổ	1.100
9	Đường Rạch Già Lớn	1	Giáp Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	400
10	Đường 30 Tháng 4	2	Giáp Đường Hùng Vương	Giáp Bệnh viện mới	500
		1	Đầu ranh đất Bệnh viện mới	Hết ranh đất Bệnh viện mới	600
		3	Giáp ranh đất Bệnh viện mới	Sông Cồn Tròn	450
11	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Giáp Đường Đoàn Thế Trung	Hết đất Trường Tiểu học	550
12	Đường Xóm 5	1	Giáp Đường Đoàn Thế Trung	Giáp Khu đất ông Hai Tầng	550
13	Đường 1/5	1	Suốt tuyến		500
14	Đường ô tô đi An Thạnh Đông	1	Giáp đường Hùng Vương	Sông Bến Bạ	1.200
15	Đường đal (đất ông Út phiếu)	1	Giáp đường bên hông chợ Bến Bạ	Rạch Thông Hào	1.600
16	Đường đal (đường 3/2 nối dài)	1	Giáp đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	500
17	Đường Rạch Lá	1	Giáp đường 3/2	Giáp đường Rạch Già lớn	400
18	Đường Đal (Cầu Bến Bạ - Trại Cua ông Diệu)	1	Cầu Bến Bạ	Trại cưa ông Diệu	1.500
19	Hèm (đất ông Mau)	1	Giáp đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hào	1.000
20	Hèm (đất ông 9 Mỹ)	1	Giáp đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hào	1.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
II	An Thạnh 1				
1	Quốc lộ 60	KV1-VT1	Bến phà phía sông Đại Ngãi	Bến phà phía Sông Trà Vinh	1.400
2	Đường Tỉnh 933B	KV1-VT1	Bến phà Kinh Đào	Đầu lộ dal Rạch Su	1.000
		KV1-VT2	Đầu lộ dal Rạch Su	Hết đất HTX Hoàng Dũng	700
		KV1-VT1	Giáp ranh HTX Hoàng Dũng	Lộ dal Rạch Sâu (giáp xã An Thạnh Tây)	1.000
3	Đường trung tâm xã	KV1-VT3	Giáp ngã ba Đường Tỉnh 933B	Bến phà Long Ân (cơ sở giáo dục Cồn Cát)	650
4	Đường dal Kinh Đào	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Ba Mạnh	Hết ranh đất ông Chuông	650
5	Đường dal Rạch Miếu	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Bảy Tự	Hết ranh đất Bến Đình	450
6	Đường dal Rạch Đôi	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Thoàn	Hết ranh đất ông Chơn	450
7	Đường dal Rạch Trầu	KV2-VT1	Đầu ranh đất Hồng Văn Y	Hết ranh đất ông Đọt	450
8	Đường dal Rạch Su	KV2-VT1	Đầu ranh đất Tư Kiệt	Hết ranh đất ông Hai Thế	450
9	Đường Trường Tiền Nhỏ	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Tùng	Giáp QL60	650
10	Đường dal Rạch Vượt (phía trên)	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Tư Hoàng	Hết ranh đất ông Năm Minh	450
11	Đường dal xóm chùa	KV2-VT1	Đầu đất ông Đào Văn Oanh	Giáp huyện lộ (chợ Long Ân)	450
12	Đường dal Mương Cũ	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Sáu Điền	Hết ranh đất Ba Rệt	450
13	Đường dal Rạch Trê	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Cần	Hết ranh đất ông Chấn	450
14	Đường dal Rạch Sâu	KV1- VT2	Đầu ranh đất ông Huỳnh	Giáp ranh Cầu nhà Út Gia	700
15	Đường dal Rạch Gừa – Thầy Phó	KV2- VT3	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Lộc	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tư	250
16	Đường Dal Trường Tiền Lớn	KV2- VT2	Đầu đất ông Phan Văn Út	Hết ranh đất bà Mai Thị Chua	300
17	Đường Dal Rạch Trại - KDC	KV2- VT2	Đầu đất ông Nguyễn Thanh Lâm	Hết đường dal	300
18	Đường dal dê Tả hữu	KV2- VT1	Đầu đất ông bà Huỳnh Kim Hoàng	Hết ranh đất bà Hồ Thị Chín	500
19	Đường Dal Rạch Ông Cột	KV2- VT2	Cầu Rạch Ông Cột	Hết ranh đất ông Võ Văn Phong	350
20	Đường Dal Long Ân - Cây Bần	KV2- VT2	Giáp Đường Tỉnh 933B	Cầu Trại Giồng	300
21	Đường Dal Long Ân - Cồn Cát	KV2- VT2	Giáp Ngã tư đường trung tâm xã	Hết đường Dal	300

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
22	Đường Dal nhánh rẽ cồn Long Ân	KV2- VT2	Giáp Ngã ba đường trung tâm xã	Hết đường Dal	300
23	Đường dal đê Tả hữu	KV2- VT3	Cồn Long Ân	Giáp cơ sở Giáo dục Cồn Cát	250
24	Các tuyến đường Dal Đê Tả Hữu còn lại	KV2- VT3	Suốt tuyến		250
25	Đường dal Trường Tiền lớn (đoạn 2)	KV2- VT2	Đầu đất ông Võ Văn Thành	Cầu ngang rạch Trường Tiền lớn	350
26	Đường dal Thầy Phó	KV2- VT2	Đầu đất ông Lâm Văn Bình	Cầu Thầy Phó ra đê bao	350
27	Đường dal Rạch Vượt (phía dưới)	KV2- VT2	Đầu ranh đất ông Tám Rờ	Cầu Ngã Cạy	350
28	Đường dal Rạch Trâm - Đê	KV2- VT2	Ranh đất ông Thang	Đầu ranh đất ông Út Nhỏ	350
29	Đường nhánh rẽ Quốc lộ 60- Rạch Su	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Thịnh	Đường dal Rạch Su	650
III	An Thạnh Tây				
1	Đường Tỉnh 933B	KV1-VT1	Ranh xã An Thạnh 1	Hết đất ông Huỳnh Văn Thử (giáp đường dal Bần Xanh)	1.000
		KV1- VT2	Giáp đường dal Bần Xanh	Ranh TT. Cù Lao Dung	800
2	Lộ dal Rạch Sâu	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Biện	Cầu Chín Khánh	350
3	Lộ dal Rạch Tàu	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Hỳnh Văn Hết	Bến phà Bắc Trang	350
4	Hết đất Lộ dal Rạch Già	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Trương Ngọc Chiêu	Hết đất ông Phan Văn Tán	350
5	Lộ dal Bần Xanh	KV2-VT2	Giáp Đường Tỉnh 933B	Hết ranh đất ông Hai Thanh	300
6	Lộ dal Bình Linh	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Trương Văn Phiến	Bến phà Bình Linh	350
7	Lộ dal An Phú	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Đoàn Văn Giàu	Bến đò Cồn Chén	400
8	Đường dal đê Tả hữu	KV2-VT3	Cù Lao Nai	Giáp Đại Ân 1	250
9	Đường dal đê Tả hữu	KV2- VT3	Rạch Sâu	Rach Sung	250
10	Lộ dal An Phú	KV2-VT1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bê	350
11	Lộ dal An Phú	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Ngô Văn Nhân	Cầu Bà Hành	350
12	Lộ Cồn Chén An Phú	KV2- VT3	Từ Cầu Đúc giáp Đại Ân 1	Cầu Giáp Đại Ân 1	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
13	Lộ Dal An Phú A	KV2-VT1	Cầu Bà Hành	Đê Tả hữu	350
14	Lộ Dal An Phú A	KV2- VT3	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình	Đê Tả hữu	250
15	Lộ Dal An Phú A	KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Cầu Đúc	350
16	Lộ đất An Phú A	KV2- VT3	Cầu Đúc	Cầu Treo giáp Đại Ân 1	250
17	Lộ Dal Rạch Sung	KV2-VT1	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Hồng	Đê Tả hữu	350
18	Đường dal An Phú	KV2- VT2	Hết ranh đất bà Lê Thị Đẹp	Bến đò qua rạch Già Lớn	300
19	Đường dal Đầu Lá An Lạc	KV2- VT1	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chác	Nhà ông Huỳnh Văn Sứ	350
20	Lộ dal rạch ông Cột	KV2- VT2	Hết ranh đất ông Trần Văn Đáng	Hết ranh đất ông Trần Huệ Em	300
21	Nhánh rẽ lộ dal Rạch Tàu	KV2- VT1	Hết ranh đất ông Trần Văn Kiệt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chấn	350
IV	Xã An Thạnh 2				
1	Đường Tỉnh 933B	KV1- VT1	Cầu kinh Đình Trụ	Hết đất Nghĩa trang liệt sĩ	1.100
		KV1- VT3	Ranh nghĩa trang liệt sĩ	Giáp đường 933	600
		KV2- VT1	Giáp đường 933	Cầu Rạch Lớn (ấp Bình Du B)	450
		KV1- VT3	Cầu Rạch Lớn	Cầu Bà Chủ	600
		KV1- VT2	Cầu Bà Chủ	Đầu lộ dal xóm mới	700
		KV2-VT2	Đầu lộ dal xóm mới	Rạch Mù U (giáp xã An Thạnh 3)	400
2	Đường Tỉnh 933 đi Đại Ân	KV1-VT3	Đường Tỉnh 933B	Cầu Còn Tròn	550
3	Đường dal xóm Rẫy	KV2 -VT1	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	300
4	Đường dal xóm Mới	KV2 -VT2	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	250
5	Đường dal Bà Kẹo (Chùa Kostung)	KV2 -VT2	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	250
6	Đường dal Mù U	KV2 -VT2	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh B)	250
7	Đường dal rạch Ngây	KV2 -VT2	Giáp đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh A)	250
8	Đường dal Đầu Bần	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	200
9	Đường dal Rạch Dầy	KV2 -VT2	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du A)	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
10	Đường dal Bà Chủ	KV2 -VT2	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp bình Du B)	250
11	Đường dal Bà Kẹo (Tuyên sông Côn Tròn)	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	200
12	Đường Dal nương ông Tám	KV2 -VT2	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	250
13	Đường Dal bà Cả	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh A)	200
14	Đường Dal Công Điền	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	200
15	Đường dal Đầu Bần	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du A)	200
16	Đường dal Rạch Lớn	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	200
17	Đường dal Rạch Lớn-Xóm Mới	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	200
18	Đường dal Xóm Bãi	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	200
19	Đường dal Bần Một	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh A)	200
V	Xã An Thạnh 3				
1	Đường bên hông chợ Rạch Tráng	ĐB	Đầu ranh đất ông Út Nhịn	Hết ranh đất Trang Văn Gầm	2.100
		ĐB	Đầu ranh đất ông Ứng	Hết ranh đất Lương Hoàng Thiện	2.100
2	Lộ dal trước chợ Rạch Tráng	ĐB	Đầu ranh đất Trương Văn Khâm	Hết ranh đất Nguyễn Văn Ân	2.100
3	Đường dal sau chợ Rạch Tráng	KV1 -VT1	Đầu ranh đất ông Nghĩa	Hết ranh Nhà ông Minh và ông Ngon	1.700
4	Đường dal mé sông	KV1 -VT1	Đầu ranh đất Sáu Cứng	Xẻo Ông Đồng	1.800
5	Đường dal	KV1-VT1	Đầu ranh đất Mười Phần	Hết ranh đất ông Gầm	1.500
		KV1-VT2	Giáp đường tỉnh 934	Giáp ranh đất ông Gầm	1.000
6	Tỉnh Lộ 933B	KV2 -VT2	Giáp đường dal Mù U Giáp Ranh An Thạnh II	Hết ranh đất Tư Trục	500
		KV2 -VT1	Giáp ranh đất ông Tư Trục	Lộ dal ông Sáu	700
		KV1 -VT3	Lộ dal ông Sáu	Hết ranh đất ông Chong	900
		KV1 -VT1	Giáp ranh đất ông Chong	Đầu ranh đất ông Oanh	1.700
		KV1 -VT2	Đầu ranh đất Tư Giấy	Hết ranh đất Trương Văn Hùng	1.200
		KV2 -VT1	Giáp ranh đất ông Trương Văn Hùng	Lộ dal Rạch Chồi	500
		KV2 -VT1	Lộ dal Rạch Chồi	Hết ranh đất Hai Trừ	500
		KV2 -VT3	Đầu ranh đất Hai Việt	Cầu Kinh Xáng	400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Đường dal	KV1 -VT2	Rạch Mương Cột	Hết đất Quán Sang	600
8	Đường dal Trạm Y Tế	KV1 -VT1	Đầu ranh đất ông Tư Tà	Hết ranh đất Trại Cua Út Lắm	1.200
		KV1- VT2	Giáp ranh Trại của Út Lắm	Rạch Mương Cột	650
9	Đường tỉnh 934	KV1 -VT2	Cầu Mới	Cầu Ba Hùm	550
		KV1 -VT3	Cầu Ba Hùm	Cầu Rạch Voi	500
10	Đường dal ông Tám	KV1 -VT2	Đầu ranh đất thầy Vũ	Cầu Bà Hời	550
		KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Kiên	Hết ranh đất ông Minh	200
11	Đường Dal An Quới	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Cảnh	200
12	Đường Dal ông Sáu	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Thọ	Hết ranh đất ông Sáu	200
13	Đường Dal Mù U	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Diệp	Hết ranh đất ông Nam	200
14	Đường Dal rạch Chồi	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Đô	Hết ranh đất ông Tuấn	200
15	Đường Dal Biên Phòng 634	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Mới	Hết ranh đất ông Tròn	200
16	Đường Dal 416	KV2 -VT3	Đầu ranh đất bà Liên	Cầu 8 Bực	200
17	Đường Dal Vàm Hồ	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Long	Hết ranh đất ông Phận	200
18	Đường dal ngọn Rạch Chốt	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Thạch Rét	Hết ranh đất ông Dương Văn Cường	200
19	Đường dal Vàm Rạch Tráng	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Ngô Văn Bồi	Hết ranh đất ông Trương Văn Tặng	200
VI	Xã An Thạnh Nam				
1	Đường tỉnh 934	KV1 -VT1	Giáp đê bao biển	Hết ranh đất Út Hậu	600
		KV1 -VT2	Giáp ranh đất Út Hậu	Cầu Rạch Voi	500
2	Các tuyến đường dal trên địa bàn xã	KV2 -VT2	Đầu ranh đất UBND xã	Hết ranh đất Chín Trường	300
		KV2 -VT2	Cầu rạch Bùng Binh	Bến phà Ba Hùng	300
		KV2 -VT2	Cầu Tám Bực	Cầu T80	300
		KV2 -VT2	Cầu Cây Mắm	Hết ranh đất Năm Khai	300
		KV2 -VT2	Cầu Rạch Năm Tiến	Hết ranh đất ông Ba Sơn	300
		KV2 -VT2	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	Hết ranh đất ông Tài	300
		KV2 -VT2	Đầu ranh đất ông Ngọt	Hết ranh đất ông Tuấn	300
		KV2 -VT2	Cầu Rạch Su	Hết ranh đất ông Ngọc	300

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Các tuyến đường đal trên địa bàn xã	KV2 -VT2	Cầu Năm Tiền	Hết ranh đất ông Tòng	300
		KV2 -VT2	Cầu Năm Tới	Hết ranh đất Cô Ngọc	300
		KV2 -VT2	Cầu Năm Lén	Hết ranh đất Sáu Tính	300
		KV2 -VT2	Cầu Thạch Lãnh (giai đoạn 3)	Đường tỉnh 933B	300
		KV2 -VT2	Cầu vuông 35A	Đê bao biển	300
VII	Xã An Thạnh Đông.				
1	Đường đal UBND xã	KV1 -VT1	Cầu Lòng Đàm.	Bến phà Lòng Đàm	450
2	Đường đền thờ Bác	KV1 -VT1	Cầu Lòng Đàm.	Bến phà cũ	450
3	Lộ tè Vàm Tắc	KV2 -VT2	Cầu Lòng Đàm.	Bến phà Vàm Tắc	300
4	Đường Trung tâm xã (đường ôtô)	KV1 -VT1	Cầu Bến Bạ	Hết đất ông Lâm Văn Hiệp	800
		KV1 -VT3	Giáp đất ông Lâm Văn Hiệp	Hết ranh đất ông Ngô Đình Đôi	600
		KV1 -VT2	Giáp ranh đất ông Ngô Đình Đôi	Cầu Lòng Đàm.	700
5	Đường Trung tâm xã	KV1 -VT3	Giáp đường ôtô	Hết đường (ấp Đặng Trung Tiến)	350
		KV1 -VT1	Cầu Lòng Đàm.	Hết đất Điều Văn Toàn	500
		KV1 -VT2	Giáp đất Điều Văn Toàn	Cầu Rạch Giữa	400
		KV1-VT3	Cầu Rạch Giữa	Hết đường	350
6	Lộ tè Bến Đá	KV2-VT1	Đường Trung tâm xã	Hết đường	350
7	Lộ tè Rạch Giữa	KV2-VT1	Đường Trung tâm xã	Hết đường	350
8	Đường đal bến phà Rạch Tráng	KV2-VT2	Giáp đường Trung tâm xã	Bến phà Rạch Tráng (phà 6 Giao)	300
9	Đường bến phà Bến Bạ	KV2-VT2	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đường	300
10	Lộ tè Xóm 6 (ấp Trương Công Nhựt)	KV2-VT2	Giáp đường bến phà Bến Bạ	Hết đường	300
11	Đường đal khu dân cư số 1 ấp Đặng Trung Tiến	KV2-VT1	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đường	350
12	Đường đal Bến dò ông Trạng	KV2-VT1	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đường	350
13	Đường đal nhà ông Ba Bò	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đường	250
14	Đường đal KDC số 3 (ấp Nguyễn Công Minh)	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đường	250
15	Đường Đê bao Tả - Hữu	KV2-VT3	Suốt tuyến		250